



Grade 6 Giới từ Unit 1-10
40 Questions

NAME : _____

CLASS : _____

DATE : _____

1. Take part _____ = participate _____ = tham gia vào

2. Belong _____ = thuộc về

3. interested _____ = thích cái gì

4. worry _____ = lo lắng về

5. excited _____ = hào hứng với cái gì

6. _____ a farm = ở trang trại

7. ____ Tết = vào dịp Tết (nói chung)

8. ____ summer camp = ở trại hè

9. ____ 2010 = vào năm 2010

10. ____ the second floor = ở tầng 2

11. ____ the bus stop = ở trạm dừng xe bus

12. ____ Monday

13. ____ June 1st

14. ____ June

15. ____ the morning

16. ____ Monday morning

17. ____ breaktime/ lunch time

18. ____ the playground

19. famous ____ = nổi tiếng về cái gì

20. keen ____ = thích cái gì

21. good ____ = giỏi cái gì

22. angry ____ somebody = tức giận với ai

23. bored ____ = chán với cái gì

24. proud ____ = tự hào về cái gì

25. look ____ = tra cứu (trong từ điển...)

26. look ____ = tìm kiếm

27. look ____ = trông nom ai

28. ____ the neighbourhood

29. Take the first turning ____ the right.

30. The chair is ____ the right of the table.

31. Turn left ____ the first traffic lights, and you'll see the supermarket straight ____.

(Đáp án 1/Đáp án 2)

32. ____ summer: vào mùa hè

33. What is ____ TV tonight?

34. ____ a game show

35. The WIngles Penguin is ____ Disney channel.

36. Car of the future run ____ electricity.

☐ A of ☐ B on

☐ C in

37. We live in a hi-tech house ____ the moon.

☐ A on ☐ B of

☐ C in

38. Will our future house be ____ space?

☐ A in

☐ B on

☐ C of

39. ____ the future I will travel to the Moon.

☐ A on

☐ B of

☐ C in

40. I will travel to the Moon ____ super cars.
